TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20-9-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Q; cư trú tại thôn V, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn P; cư trú tại thôn L, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Phạm Văn P chung sống với nhau do tự nguyện và có được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống của địa phương từ năm 2013. Đến ngày 19 tháng 02 năm 2014,

hai bên mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Bản, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống cùng nhau tại gia đình bố, mẹ đẻ anh Phạm Văn P ở thôn L, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên ngăn, hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng căng thẳng, trầm trọng và không còn khả năng khắc phục. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 02 năm 2018, chị Nguyễn Thị Q đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở thôn V, sống ly thân với anh Phạm Văn P; từ đó đến nay, vợ chồng không ai quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay chị Nguyễn Thị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Phạm Uy V, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2013 và Phạm Quốc B, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2016; hiện tại con chung Phạm Uy V do anh P đang trực tiếp nuôi dưỡng, con chung Phạm Quốc B do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị Nguyễn Thị Q đề nghị Tòa án giao con chung Phạm Quốc B cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Phạm Uy V cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con do chị và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ly hôn, chị Nguyễn Thị Q không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Đối với bị đơn anh Phạm Văn P, trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Phạm Văn P đều vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm của anh Phạm Văn P trước yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhiều lần không có lý do nên đã không chấp hành các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Phạm Văn P; về con chung, giao con chung Phạm Quốc B, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Uy V, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2013 cho anh Phạm Văn P

trực tiếp nuôi dưỡng; thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt của các đương sự: Bị đơn, anh Phạm Văn P đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng anh Phạm Văn P vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, anh Phạm Văn P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định chị Nguyễn Thị Q và anh Phạm Văn P kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 19 tháng 02 năm 2014. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; hiện tại đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Phạm Văn P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Phạm Văn P.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Phạm Văn P có 02 con chung Phạm Uy V, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2013 và Phạm Quốc B, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2016. Ly hôn chị Nguyễn Thị Q có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung Phạm Quốc B cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Uy V cho anh Phạm Văn P trực tiếp nuôi dưỡng; anh Phạm Văn P vắng mặt, không có quan điểm về việc nuôi con chung. Việc nuôi con chung vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ nên giao con chung cho ai nuôi dưỡng cũng phải đảm bảo các con chung được nuôi dạy và phát triển trong điều kiện tốt nhất. Xét thấy điều kiện nuôi con chung của các bên là ngang nhau, chị Nguyễn Thị Q đang trực tiếp nuôi con chung Phạm Quốc B, anh Phạm Văn P đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Uy V, các con chung đang được nuôi dạy tốt nên để các con chung có cuộc sống ổn định cần tiếp tục giao con chung Phạm Quốc B cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Uy V cho anh Phạm Văn P trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét, giải quyết. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản: Do các đương sự không có yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết. Nếu các bên đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung hoặc về tài sản, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Phạm Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Quốc B, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Phạm Uy V, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2013 cho anh Phạm Văn P trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét giải quyết.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Chị Nguyễn Thị Q đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0004290 ngày 12 tháng 6 năm 2019) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- UBND xã Đ, huyện A;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Duy Thạch